

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2025
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám;

Ông Đồng Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm: 1991;

Trú tại: 2 đường L, phường N (phường P, thành phố N cũ), tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T1 - sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn T, xã T (xã V, huyện V cũ), tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 (nộp Tòa án ngày 23/4/2025), đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T1 tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 28 tháng 6 năm 2021.

Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, dần dần tình cảm giữa hai vợ chồng trở nên phai nhạt. Đã nhiều lần giữa vợ chồng tự hòa giải để duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng đến nay xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nữa. Bà xác nhận hiện tại đã không còn tình cảm gì với ông T1, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà với ông T1.

2. Về con chung: Vợ chồng bà có 01 (một) con chung là Lê An N - sinh ngày 06 tháng 11 năm 2021. Hiện con chung đang ở cùng bà, được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng bà không có nợ chung.

- Đối với ông Lê Thanh T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông T1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T1 cũng như không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa phát biểu:*

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh T1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa bà T với ông T1 là “*Tranh chấp về ly hôn*”; Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa là Tòa án nơi mà ông T1 đang cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 28 tháng 6 năm 2021. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T1. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa bà T và ông T1, theo bà T xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, dần dần tình cảm giữa hai vợ chồng trở nên phai nhạt. Đã nhiều lần giữa vợ chồng tự hòa giải để duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng đến nay xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nữa. Hiện vợ chồng bà đã sống ly thân, hai bên đã không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh T1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng ông T1 đều không có mặt để làm việc. Điều đó chứng tỏ ông T1 đã không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa ông và bà T nữa.

[2.3] Tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2025, Công an xã T cung cấp hiện ông Lê Thanh T1 không sống cùng bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[2.4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Thanh T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Lê Thanh T1.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định vợ chồng ông bà có 01 (một) con chung là Lê An N - sinh ngày 06 tháng 11 năm 2021. Hiện con chung đang ở cùng bà, được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã gửi cho ông Lê Thanh T1 các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó đã thể hiện yêu cầu nuôi con chung của bà T nhưng ông T1 không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu này của bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn trình bày để xem xét. Mặt khác, theo lời bà T trình bày thì sau khi vợ chồng không còn sống chung, con chung đang sinh sống cùng với bà T, cuộc sống đã đi vào ổn định; bà T cũng có công việc ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 08/7/2025 do Công an xã T cũng xác nhận hiện tại, cháu Lê An N đang sinh sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Do đó, để tạo điều kiện phát triển mọi mặt cho con chung, đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung; xét thấy cần tiếp tục giao con chung Lê An N cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn ông Lê Thanh T1.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung là Lê An N - sinh ngày 06 tháng 11 năm 2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi;

Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0007496 ngày 24 tháng 4 năm 2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Khánh Hòa); bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa ;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 28 tháng 6 năm 2021);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng